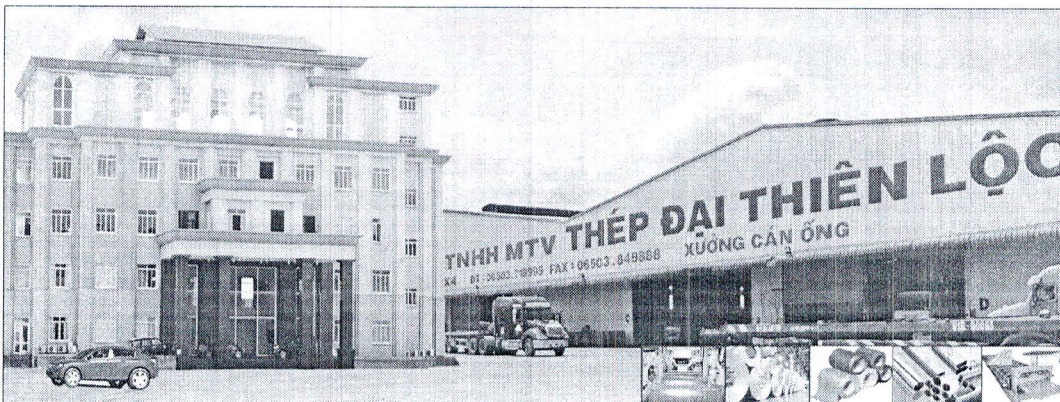
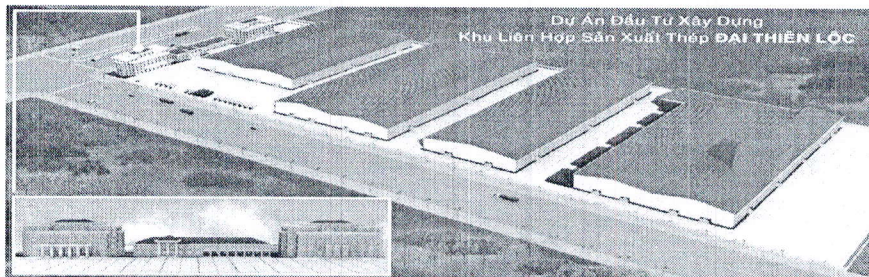


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
- Tên tiếng anh	DAI THIEN LOC CORPORATION
- Tên viết tắt	DTL
- Giấy chứng nhận ĐKDN	3700381282
- Ngành nghề KD chính	Sản xuất và kinh doanh thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, thép lá mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Vốn điều lệ	614.356.040.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	910.578.491.130 VNĐ
- Địa chỉ	Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần, P.Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Điện thoại	0650. 3719999/18001149
- Fax	0650. 3849111
- Website	www.daithienloc.com.vn
- E-mail	sales@daithienloc.com.vn
- Mã cổ phiếu	DTL



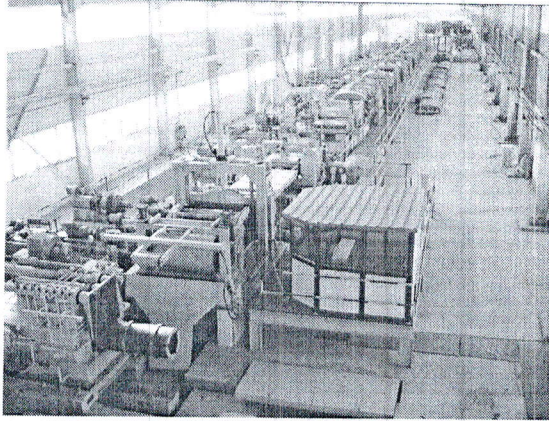
Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m²) và tòa nhà văn phòng - Trụ sở chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

Quá trình hình thành và phát triển

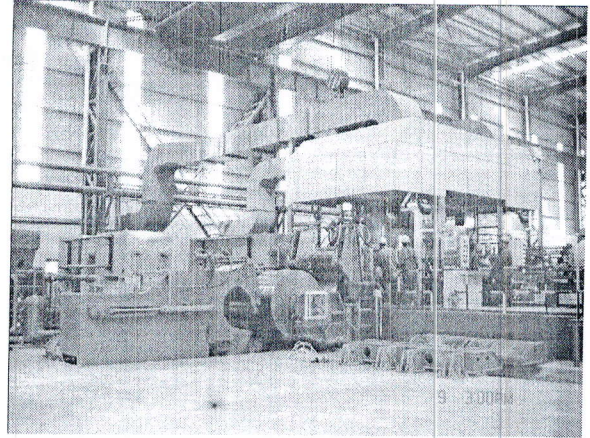
❖ *Quá trình hình thành và phát triển*

Ngày 11/07/2001 Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày

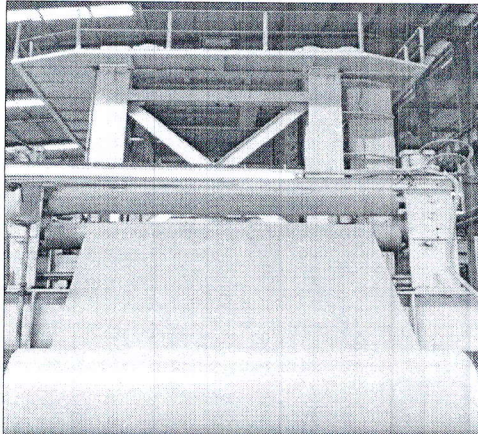
	11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội ; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, mạ màu ; thép tấm ; thép hình ; xà gồ thép ; thép xây dựng v.v...
Tháng 3/2003	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương. <i>Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước</i>
Ngày 12/04/2007	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007) <i>Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007</i>
Tháng 6/2008	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Ngày 22/12/2008	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
Ngày 23/12/2008	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ² (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
Ngày 04/06/2010	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
Tháng 8/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
Tháng 10/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xà băng, công suất 60.000 tấn/năm
Tháng 11/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
Tháng 12/2011	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền : dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục
Tháng 04/2012	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01
Tháng 12/2012	Lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục
Tháng 12/2016	Bắt đầu đầu tư dự án mới 2017 với việc lắp ráp lần lượt 04 dây chuyền cán ống (/ tổng số 10 dây chuyền).



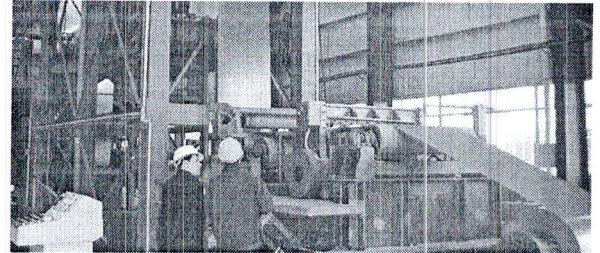
Dây chuyền tẩy rửa



Dây chuyền thép lá cán nguội



Dây chuyền mạ lạnh



Dây chuyền mạ màu

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần)

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000
12/01/2012	Tăng đợt 8	501.360.900.000	16.386.200.000
03/06/2014	Tăng đợt 9	614.356.040.000	112.995.140.000

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:
 - ✓ **Thép lá cán nguội:** Với công nghệ cán 12 trục, 6 trục đảo chiều tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng.
 - ✓ **Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)/ Thép lá mạ kẽm (tôn kẽm):** Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại. Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G3141 SPCC 1B/SB/SD. Tôn mạ kẽm/tôn lạnh được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm/lạnh và hợp kim trên nền thép lá cán nguội. Bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bông

kẽm/lạnh đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với các sản phẩm khác.

- ✓ **Thép lá mạ kẽm phủ màu (tôn màu)/ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu):** Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền tôn kẽm/tôn lạnh. Lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.
- ✓ **Thép hộp và Ống thép:** Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn.

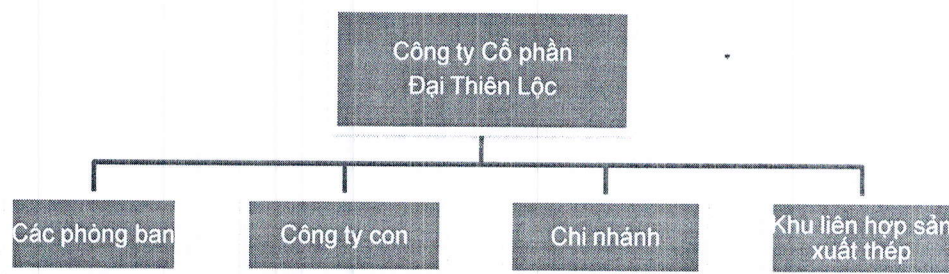
❖ Địa bàn kinh doanh:

Công ty luôn tập trung, chú trọng vào thị trường nội địa; Trong đó, tập trung vào các vùng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu toàn vùng, chủ yếu là thị trường miền Đông Nam Bộ (chiếm khoảng từ 50 - 75%) và miền Tây nam bộ.

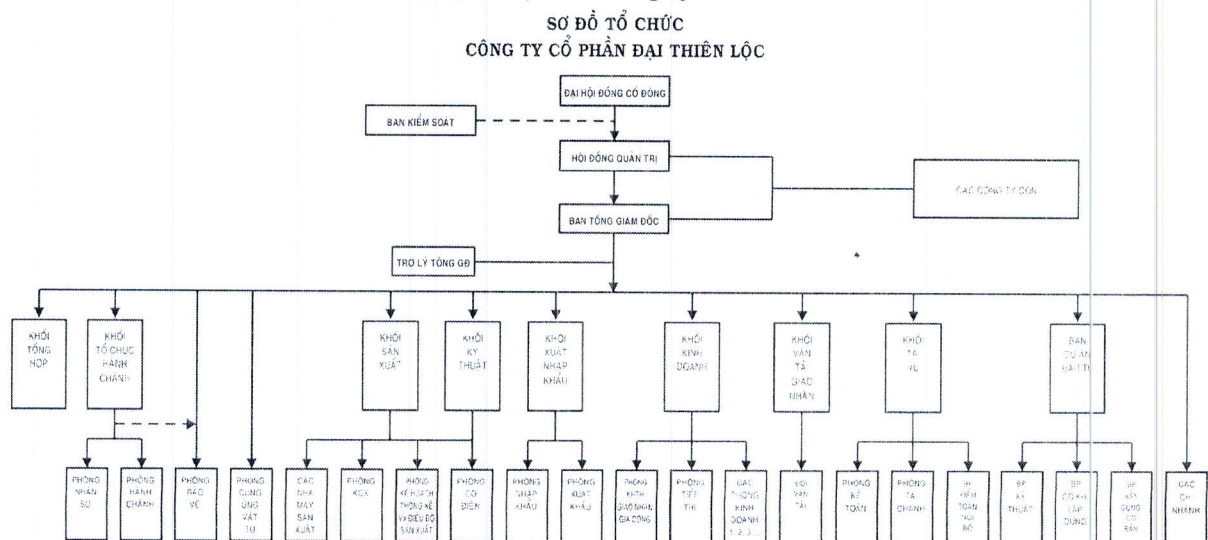
Ngoài thị trường nội địa, công ty cũng đã, đang và sẽ không ngừng đẩy mạnh thị trường xuất khẩu với một số thị trường truyền thống từ trước đến nay như các nước ASEAN, các nước Châu Á...Đồng thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi đó, công ty cũng đang xúc tiến tìm hiểu thêm thị trường tại Châu Phi, Châu Âu và Nam Mỹ để xuất khẩu hàng với giá cạnh tranh, đạt chất lượng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Sơ đồ 1: Cơ cấu công ty



b) Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính

- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật ...
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm....

Khối tổng hợp

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR;

Khối vận tải

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

Phòng cung ứng vật tư

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

Phòng bảo vệ

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu

- Tìm hiểu thông tin thị trường thếp thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
 - Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
 - Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, v.v...

Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;

- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, v.v...;

- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;

- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, v.v...

Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi ; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi ...

Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ, v.v... ;

- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

- Phối hợp với phòng Hành chính – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;

- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;

- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;

- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.

c) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại : 0650. 3719999 Fax : 0650. 3849111
2	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 2, Lô A, Đường số 22, KCN Sóng Thần, P. Dĩ An, TX Dĩ An, Bình Dương

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 5 mục tiêu lớn như sau:

- Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững; gia tăng giá trị cho cổ đông;

- Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;

- Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;

- Bốn là, xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;

- Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

❖ Chiến lược phát triển trung, dài hạn & mục tiêu phát triển bền vững.

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng thép dẹt tại Việt nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành thép dẹt, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép ... là rất lớn. Cùng với đó, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn mặt hàng thép dẹt tại Châu Á đã bị một số thị trường lớn tại Châu Âu, Châu Mỹ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; do đó, đây là một cơ hội lớn cho mặt hàng thép sản xuất tại Việt nam nói chung và Tôn Đại Thiên Lộc nói riêng vươn ra các thị trường khó tính.

Trong xu hướng phát triển sắp tới, công ty sẽ mở rộng sản xuất mặt hàng thép không gỉ (Inox) để đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng khi chất lượng cuộc sống đã dần được nâng cao.

Bên cạnh mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh thì việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cũng được quan tâm và ưu tiên hàng đầu, vì đây là cơ sở nền tảng của sự phát triển bền vững; đảm bảo chất lượng cuộc sống cho xã hội. Song song đó, công tác chăm sóc, quan tâm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội và tài trợ các hoạt động xã hội cộng đồng cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà doanh nghiệp đặt ra.

5. Các rủi ro:

- Tỷ giá đô la Mỹ và lãi suất cho vay sẽ có sự biến động trong thời gian sắp tới, có tác động không nhỏ đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Vì hệ thống các dây chuyền sản xuất nhập từ nước ngoài, phần lớn thiết bị là của Trung Quốc nên sự hao hụt, hư hỏng trong quá trình sử dụng không phải là nhỏ.

- Các chính sách hội nhập quốc tế đã khiến cho việc xuất khẩu sang các nước gặp nhiều rào cản thương mại do việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; gây khó khăn rất lớn trong việc cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả SX – KD:

⚡ Về kinh doanh:

	2015	2016	Kế hoạch
- Doanh thu:	1.853 tỷ đồng	2.885 tỷ đồng	2.100 tỷ đồng
Trong đó xuất khẩu	16,6 triệu USD	10,19 triệu USD	18 triệu USD
- Lợi nhuận sau thuế:	(63,3) tỷ đồng	159,67 tỷ đồng	80 tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2016 đã vượt 37,4% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 đã đề ra. Đồng thời doanh thu năm 2016 tăng gần 1,6 lần so với năm 2015. Doanh thu xuất khẩu có giảm so với năm trước nhưng do tình hình giá trên thị trường năm 2016 tăng và nhu cầu sử dụng sản phẩm tôn cũng tăng nên cả doanh thu và sản lượng của công ty đều tăng so với cùng kỳ năm 2016.

⚡ Về sản xuất:

ĐVT: Tấn

Chỉ tiêu	2015	2016
• Thép cán nóng	60,051	76,437
• Thép lá cán nguội	61,261	71,978
• Tôn lạnh	79,238	79,455
• Tôn kẽm	8,722	3,535
• Tôn màu	28,590	34,032
• Ống thép các loại	3,531	2,147
• Khác (thép lá đen, xà gồ, thép hình, thép tấm)	13,702	10,924

Nhìn chung, sản lượng sản xuất từng mặt hàng của công ty đều tăng so với năm 2015, do đa số các dây chuyền đã đi vào hoạt động ổn định. Các mặt hàng sản xuất chủ lực của công ty như tôn lạnh, tôn màu... có tăng nhưng không đáng kể, do lượng hàng nhập khẩu ồ ạt.

1.2 Về kinh doanh nội địa - XNK

Công ty xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với khách hàng để nắm bắt nhu cầu của thị trường, từ đó hoạch định chiến lược kinh doanh linh hoạt, thích ứng trong từng thời kỳ. Phương châm của Đại Thiên Lộc là “ *Hàng hóa phong phú – Chất lượng ổn định – Giá cả cạnh tranh – Phục vụ tận tình*” nên Đại Thiên Lộc có ưu thế cạnh tranh hơn so với một số đối thủ cùng ngành.

a) Kinh doanh nội địa

- Năm 2016, doanh thu của thị trường nội địa là: 2.657 tỷ đồng, tăng gần 1,78 lần so với cùng kỳ năm 2015. Đây là một con số đáng khích lệ trong tình hình cạnh tranh khốc liệt giữa mặt hàng tôn lạnh, tôn màu sản xuất trong nước với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc được hưởng ưu đãi thuế suất 0%.

- Ngoài ra, trong năm 2016, tình hình tôn giá rẻ ồ ạt nhập khẩu vào Việt nam (nhất là mặt hàng tôn màu) đã khiến cho việc cạnh tranh rất khó khăn do giá bán chênh lệch với hàng sản xuất trong nước. Đồng thời, tình hình tôn kém chất lượng nhái thương hiệu của công ty đã ảnh hưởng đến uy tín của công ty.

- Cơ cấu doanh thu nội địa 2016: Đông nam bộ chiếm 44,4% (giảm 40,8%); Miền bắc chiếm 14,1% (tăng 182%); Miền tây nam bộ chiếm 32,4% (tăng 116%); Miền Trung - Tây Nguyên chiếm 8,7% (tăng 335%), so với cùng kỳ năm 2015.

b) Xuất khẩu

- Doanh thu năm 2016 chỉ dừng ở con số gần 10,2 triệu USD, giảm gần 38,6% so với cùng kỳ năm 2015 và chỉ đạt 56,67% kế hoạch đã đề ra. Sự sụt giảm này xuất phát từ nhiều nguyên nhân; trước hết là do việc áp dụng các biện pháp tự vệ như: thuế chống bán phá giá, thuế tự vệ của một số nước mà có thị trường xuất khẩu chính của Đại Thiên Lộc như Malaysia, Indonesia,... Cùng với đó là sự cạnh tranh với giá thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Ngoài ra, chính việc chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng và các điều kiện khác cũng đã khiến cho công ty không tìm kiếm được thị trường mới, thậm chí mất khách hàng.

- Về cơ cấu doanh thu: Hiện nay thị trường xuất khẩu chủ yếu là Châu Á (chiếm 81,47%); trong đó thị trường truyền thống là các nước ASEAN chỉ chiếm 54,06. Con số này giảm đi rất nhiều trong cơ cấu tỷ trọng của thị trường Châu Á, Trong khi năm 2015, con số này là 85.96%, chiếm khoảng 95,5% thị trường Châu Á. Năm 2016, thị trường châu Phi chiếm 18,53%, nhìn chung có tăng so với năm 2015.

1.3 Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại

a) Quảng bá thương hiệu

Trong nội bộ

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như: Phiếu báo giá, phiếu nhập - xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp v.v...

- Trang phục công sở : tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc

- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh.

Ra bên ngoài

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình trung ương và địa phương

...

- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...

- Dán logo các xe của công ty ...

- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, áo thun, áo đi mưa ... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc

b) Xúc tiến thương mại

- Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như : Hội chợ Vietbuild; Hội chợ thương mại quốc tế tại một số nước Đông Nam Á.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành (đến ngày 31/12/2016):

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc
2	Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Ngọc Khang	Q.Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban điều hành

- Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thanh Loan
-----------	-------------------

Số chứng minh nhân dân	024237750
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	21/02/1989
Nơi sinh	Tp Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0914.394.288
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác Từ tháng 06/2014	Làm việc tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	6,244,378 cổ phần, chiếm 10.16% vốn điều lệ.
Số cổ phần của những người có liên quan:	
Cha ruột: Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213 cổ phần, chiếm 47.5 % vốn điều lệ
Mẹ ruột: Nguyễn Thị Bích Liên	7,899,952 cổ phần, chiếm 12.86% vốn điều lệ
Em ruột: Nguyễn Thanh Dung	2,573,990 cổ phần, chiếm 4,19% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Lâm Thị Kim Phụng
Số chứng minh nhân dân	310926113
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/09/1974
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Xuân Đông, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	115 ấp An Lạc Thượng, xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc	0982286035
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác Từ 2001 – 2007	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty TNHH Thép Thiên Lộc
Từ 2008 – nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đại Thiên Lộc

Từ tháng 10/2009 – nay	Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

Q.Kế toán trưởng

Họ và tên	Lê Ngọc Khang
Số chứng minh nhân dân	285163953
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/07/1987
Nơi sinh	Thanh Hoá
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	P. Phú Mỹ, Tp. thủ Dầu Một, Bình Dương
Số điện thoại liên lạc	0914.394.187
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2012:	Nhân Viên Kế Toán Công Ty TNHH Proceeding
Từ 2012- 2015:	Nhân Viên Kế toán Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
Từ 2016 – Đến Nay:	Quyền Kế toán Trưởng công ty cổ phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Tháng 03/2016, HĐQT đã họp và miễn nhiệm ông Huỳnh Tiến Liễu chức vụ Giám đốc tài chính kiêm Q.Kế toán trưởng CTCP Đại Thiên Lộc.
- Tháng 03/2016, HĐQT đã họp và bổ nhiệm ông Lê Ngọc Khang giữ chức vụ Q.Kế toán trưởng.
- Tháng 09/2016, HĐQT đã họp và bổ nhiệm bà Nguyễn Thanh Loan giữ chức vụ Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của CTCP Đại Thiên Lộc

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tình hình nhân sự
 - Nguồn nhân lực: Đến 31/12/2016, tổng số lao động: **481** người, trong đó trình độ đại học, cao đẳng: 115 người; trung cấp, công nhân kỹ thuật: 145 người ; lao động phổ thông: 221 người.
 - Thu nhập bình quân: 6.372.420 đồng/tháng/người
- Chế độ, chính sách lao động:
 - Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.
 - Bên cạnh đó, công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ, tết; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3 ; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi ; tặng quà cho cán bộ, nhân viên là thương binh, gia đình liệt sỹ nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/07 ; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn ;
- Đào tạo: Trong năm 2016, công ty tiếp tục mời một số chuyên gia về để tập huấn kỹ năng bán hàng và cử một số cán bộ, công nhân viên đi học các lớp về kế toán, thuế, kỹ năng vận hành an toàn máy móc thiết bị...

⇒ Tổng kết hoạt động năm 2016 cho thấy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực, đạt và vượt so với kế hoạch 2016 đã đề ra và tăng so với kết quả năm 2015. Điều này có được là nhờ sự nỗ lực không mệt mỏi của HĐQT, Ban điều hành và tập thể CB-CNV trong toàn công ty nhằm tiếp tục khẳng định thương hiệu, duy trì được mục tiêu tồn tại, phát triển của doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số vấn đề như :

- Nguồn vốn chủ sở hữu không đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô SXKD
- Hiệu quả sử dụng lao động chưa được phát huy tối đa
- Nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm chưa đáp ứng được xu hướng phát triển của doanh nghiệp;...

3.1 Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(9.119.719)	(9.119.719)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

- Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần	1.936.574.240.250	1.846.060.572.202
Lợi nhuận sau thuế	(17.620.086.521)	122.870.944.315
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,412,083,684,379	2,487,315,799,107	3.12%
Doanh thu thuần	1,853,025,073,671	2,885,285,133,891	55.71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(36,534,303,377)	210,261,538,849	(675.52)%
Lợi nhuận khác	(37,169,316,558)	(26,167,879,250)	(29.60)%
Lợi nhuận trước thuế	(73,703,619,935)	184,093,659,599	(349.78)%
Lợi nhuận sau thuế	(63,337,323,779)	159,665,870,413	(352.09)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.97	1.15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.16	0.17	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.66	0.59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.21	1.73	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1.45	1.86	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.77	1.16	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.03)	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0.08)	0.018	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.02)	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.02)	0.07	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- a. Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 61,435,604 cổ phiếu phổ thông
- b. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 58,207,764 cổ phiếu
- c. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): 3,227,840 cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Thông tin về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng CD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ(%)
Trong nước	265	61,422,425	99.98
Cá nhân	232	46,559,834	75.79
Tổ chức	6	14,851,361	24.17
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Cty Chứng khoán	27	11,230	0.02
Nước ngoài	9	13,179	0.02
Cá nhân	7	7,045	0.01
Tổ chức	2	6,134	0.01
Tổng cộng	274	61,435,604	100

* Thông tin về cơ cấu cổ đông theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 20/10/2016

Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên, theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 20/10/2016)

STT	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	29.220.213	47.5
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7.899.952	12,86
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	6.244.378	10,16
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	số 300/20, Đường ĐT743a, Khu phố Chiêu Liêu, P.Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An, Bình Dương, Việt nam.	11.600.869	18.8
Tổng cộng			54.965.412	89,32

6. Quản lý nguồn vật liệu:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

1. Nguyên liệu chính để sản xuất		78,036,746 kg
2. Nguyên liệu để đóng gói sản phẩm		300,170 kg
3. Nguyên liệu phụ khác:	+Axit Clohidric (HCL 32%)	1,180.010 kg
	+Axit Clohidric (HCL 35%)	826,640 kg
	+Dầu Cán	107,300 kg
	+Dầu thủy Lực	37,901kg
	+Dầu DO 0.05%	67,927 kg
	+ Dung môi Beckers	146,906 kg

	+Hộp kim nhôm kẽm (nội địa)	1,956,563 kg
	+ Kẽm KZ (Kẽm 9999)	48,869 kg
	+Kẽm Thỏi	246,159 kg
	Sơn các loại	687,586 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Tỷ lệ phần trăm được sử dụng tái chế làm lõi: 5%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện, Hơi nóng, Khí CNG

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Sử dụng biến tần cho toàn bộ phụ tải có công suất lớn: động cơ 1000kw/8cái, động cơ 1500kw/2cái, động cơ 1500kw/4cái. Năng lượng tiết kiệm được so với định mức: 15%

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Môi trường Bình Dương
- Lượng nước sử dụng: 8.488 m³ (năm 2016).

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động: **481** người, trong đó trình độ đại học, cao đẳng: 115 người ; trung cấp, công nhân kỹ thuật: 145 người ; lao động phổ thông: 221 người.
- Thu nhập bình quân: **6.372.420** đồng/tháng/người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.
- Bên cạnh đó, công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ tết như: lương tháng 13 và tiền thưởng A,B,C vào dịp tết nguyên đán Bính Thân ; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3 ; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi ; tặng quà cho cán bộ, nhân viên là thương binh, gia đình liệt sỹ nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/07 ; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn lao động hoặc gia đình có hiếu hỉ ;

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2016, công ty tiếp tục mời một số chuyên gia về để tập huấn kỹ năng bán hàng và cử một số cán bộ, công nhân viên đi học các lớp về kế toán, thuế, kỹ năng vận hành an toàn máy móc thiết bị...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

a) Công tác xã hội, từ thiện:

Tiếp bước truyền thống của công ty; Hàng năm, công ty vẫn không ngừng thực hiện công tác từ thiện xã hội với quy mô tùy theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2016, với kết quả kinh doanh khá thuận lợi hơn so với năm 2015, công ty đã cùng với Hội doanh nhân trẻ tỉnh Bình Dương tài trợ xây tặng 02 căn nhà tình nghĩa với tổng giá trị 200 triệu đồng. Thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng nhân ngày 27/07.

b) Tài trợ các hoạt động xã hội, cộng đồng

Ngoài việc chú trọng công tác xã hội, từ thiện; công ty còn rất quan tâm đến các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương nơi doanh nghiệp đang đóng trụ sở chính. Trong năm, công ty đã chi tổng cộng số tiền hơn 894 triệu đồng, là Tài trợ chính cho một số hoạt động của tỉnh nhà như: Tài trợ 100 triệu đồng hằng năm cho Quỹ học bổng “Đại Thiên Lộc – Thắp sáng ước mơ sinh viên Bình Dương”, Tài trợ giải bóng đá doanh nhân Bình Dương tranh cúp báo Bình Dương hay Tài trợ giải đua xe đạp tranh cúp BTV. Song song đó, công ty còn ủng hộ đóng góp cho các hoạt động khi các cơ quan ban ngành của tỉnh và địa phương kêu gọi.

Một số hình ảnh hoạt động, xã hội từ thiện của các tổ chức đoàn thể trong công ty



Lễ trao tài trợ cho quỹ bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhưng dịp tết trung thu 2016



Ủng hộ tôn và mì gói cho đồng bào miền Trung bị bão lụt năm 2016



Đại diện lãnh đạo công ty trao tặng số tiền 50.000.000 đ cho quỹ bảo trợ



Đại diện Lãnh đạo Công ty trao tặng ủng hộ cho đại diện lãnh đạo chính quyền xã (thuộc tỉnh Hà Tĩnh) bị thiệt hại trong trận lụt 2016.



Lễ bàn giao nhà nhân ái do công ty phối hợp với Hội doanh nhân trẻ tỉnh Bình Dương trao tặng



Hoạt động kỷ niệm nhân ngày 27/07



Hoạt động do các tổ chức đoàn thể phối hợp tổ chức



Chi đoàn tổ chức Đại hội

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả SXKD năm 2016:

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch
- Doanh thu:	2.885 tỷ đồng	2.100 tỷ đồng

Trong đó xuất khẩu	10,19 triệu USD	18 triệu USD
- Lợi nhuận sau thuế:	159,67 tỷ đồng	80 tỷ đồng

So với kế hoạch SX – KD do ĐHĐCĐ 2016 đã đề ra thì kết quả cho thấy: Doanh thu đã đạt và vượt so với kế hoạch đã đề ra (vượt 37,85%); lợi nhuận vượt 99,6%. Kết quả này đã là nguồn động lực để ĐHĐCĐ, HĐQT tiếp tục đầu tư để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, trong khi sắp tới một số biện pháp phòng vệ thương mại có quyết định chính thức áp dụng mức thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được thì kết quả xuất khẩu lại giảm sút so với năm 2015 (giảm 38,6%), nguyên nhân giảm này chủ yếu do một số thị trường xuất khẩu chính của công ty như các nước trong khu vực Đông Nam Á lại tiến hành áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại dẫn đến giá thành tăng lên rất cao, không thể cạnh tranh được với các nhà sản xuất trong nước.

Và, Nguyên nhân ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận của năm

- Năm 2016 là năm đánh dấu sự phục hồi của mặt hàng thép, khi giá thép đã tăng đột biến từ giữa tháng 03/2016 sau một thời gian dài “giá chạm đáy, rớt không phanh”. Lượng hàng tồn kho dự trữ trong năm còn tương đối nên đã đẩy lợi nhuận công ty tăng cao.

- Công ty đã có những chiến lược quảng bá thương hiệu, nhằm nâng tầm ảnh hưởng thương hiệu đến khách hàng, người tiêu dùng. Sự quan tâm, chăm sóc khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, để tạo sự gắn bó mật thiết giữa khách hàng với công ty.

- Chất lượng sản phẩm cũng được công ty đặc biệt chú ý, hạn chế được khiếu nại của khách hàng, giúp công ty khẳng định được thương hiệu, đảm bảo thời gian bảo hành như cam kết.

- Trong năm, một số vụ kiện phòng vệ thương mại do doanh nghiệp trong nước khởi xướng như vụ chống bán phá giá đối với mặt hàng tôn kẽm, lạnh; Vụ áp dụng biện pháp tự vệ thương mại đối với sản phẩm tôn màu... đã phần nào gây tâm lý e dè cho các nhà nhập khẩu trong nước và phần nào cũng tác động ít nhiều đến tâm lý của người tiêu dùng và qua các phương tiện truyền thông của vụ kiện đã giúp họ nhận thức được những cái được, mất khi vẫn tiếp tục sử dụng các sản phẩm thép nhập khẩu.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Đây chuyên thép lá cán nguội hiện nay công ty sử dụng là công nghệ đảo chiều, vì vậy, sau khi cán sẽ phải cắt bỏ đi phần đầu và cuối cuộn mỗi bên khoảng 10 mét. Do đó, để khắc phục được “hạn chế” này, công ty đã đưa ra phương án và mua sắm thiết bị máy móc để thực hiện việc hàn đầu cuối cuộn. Như vậy, việc hàn đầu cuối cuộn này giúp giảm việc cắt bỏ tôn phế liệu. Và hằng năm, công ty tiết kiệm chi phí khoản từ 2-3 tỷ đồng.

2. Tình hình tài sản và nợ phải trả:

- Đây là giai đoạn hầu hết các dây chuyền sản xuất đã đi vào hoạt động, các khoản vay trung – dài hạn đã trả hết. Do vậy các khoản nợ phải trả giảm khoảng 0.05% so với năm trước. Trong năm 2016, giá bán ra thị trường tăng mạnh nên doanh thu và tài sản trong kỳ cũng tăng hơn so với cùng kỳ năm trước (Doanh thu tăng 56%, tài sản tăng 9%) .

- Tình hình tài sản năm 2016 tăng nhẹ 3% so với năm 2015 (Tài sản ngắn hạn tăng 9%, tài sản dài hạn giảm 6%); Nợ phải trả giảm 5%.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Củng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.
- Tái cấu trúc công ty cho phù hợp với đà phát triển ngày càng lớn. Hợp nhất một số phòng ban để giảm số lượng nhân sự nhưng công việc đạt hiệu quả cao hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.
- Tin học hóa hệ thống quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực của doanh nghiệp (ERP) để chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.
- Kiểm tra thường xuyên, có chế độ bảo trì đối với các dây chuyền đang vận hành, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị cũ có công nghệ lạc hậu, chất lượng thấp bằng thiết bị chất lượng cao từ EU & Nhật.
- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất;
- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư ... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Năm 2017, Kinh tế thế giới vẫn còn tiềm ẩn những bất trắc rất khôn lường. Chiến tranh và thiên tai đang là những thảm họa đe dọa sâu sắc đến sự phát triển chung, một bức tranh không mấy sáng sủa. Giá hàng hóa thế giới được dự báo giảm không chỉ trong năm 2016 mà thậm chí ở những năm tiếp theo và xuất khẩu Việt nam chắc chắn sẽ không nằm ngoài tầm ảnh hưởng này. Đối với nền kinh tế Việt nam, dự báo CPI tăng trưởng cũng không đáng kể, tình hình lạm phát sẽ là một biến số khó lường
- Để biến niềm tin thành hiện thực, đòi hỏi công ty phải làm tốt công tác quản trị, gắn hiệu quả kinh doanh với thu nhập của người lao động; không ngừng cải tiến kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất. Đa dạng hoá thị trường thông qua đổi mới và tăng cường công tác bán hàng, chú trọng các thị trường mới có qui mô nhỏ nhưng còn nhiều tiềm năng. Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá, tiếp thị, xây dựng thương hiệu Tôn Đại Thiên Lộc tại thị trường nội địa. Có chính sách bán hàng hợp lý, tạo thuận lợi cho khách hàng trong điều kiện công ty và pháp luật cho phép. Hoàn thiện hệ thống xây dựng định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư nhằm tiết giảm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tiếp tục tổ chức các chuyến công tác tại thị trường xuất khẩu truyền thống. Ngoài ra, đẩy mạnh việc tìm hiểu thị trường ở các nước ngoài khu vực ĐNÁ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động:

- Năm 2016, nền kinh tế nước ta vẫn chưa thực sự khởi sắc, thị trường bất động sản vẫn chưa thực sôi động. Tuy nhiên, điều đáng mừng và đánh dấu sự phục hồi của công ty chính là việc giá thép đã phục hồi và tăng liên tiếp từ giữa tháng 03/2016, đã giúp cho công ty lấy lại đà tăng trưởng và thu về lợi nhuận với tỷ lệ gấp đôi so với kế hoạch ĐHCĐ năm

2016 đã đề ra. Nhờ đó, nguồn vốn để xoay vòng hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện một cách đáng kể.

- Công tác bảo vệ và xử lý hệ thống chất thải thực hiện đồng bộ, đảm bảo chuẩn đầu ra. Sử dụng các nguồn năng lượng như điện, nước... một cách tiết kiệm, trách nhiệm, hiệu quả.

- Công tác xã hội từ thiện, phát triển cộng đồng càng được công ty quan tâm đặc biệt và chính điều này đã tạo ra nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

⇒ Với sự quyết tâm và đồng thuận của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên cùng với tình hình thị trường giá thép được khởi sắc đã giúp cho công ty đạt và vượt kế hoạch của năm 2016 mà ĐHCĐ đã giao phó.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm 2016, Ban Giám đốc công ty luôn đồng hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Đưa ra được những kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức kinh doanh, chăm sóc khách hàng, tìm hiểu và đánh giá khả năng tiềm lực tài chính của từng khách hàng để có những chính sách đặc biệt.

- Đồng thời, công tác thị trường, quảng bá thương hiệu đã được quan tâm đầu tư trong một thời kỳ cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tái cơ cấu lại nguồn vốn, tập trung vào sản xuất kinh doanh. Đối với thị trường trong nước, chú trọng vào việc đưa hàng hóa đến trực tiếp các cửa hàng, đại lý; Đẩy mạnh việc xuất khẩu ra một số thị trường truyền thống và tìm kiếm các thị trường mới không phụ thuộc vào yếu tố thương mại như trước đây;

- Triển khai một số chương trình quảng cáo, tổ chức sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh sản phẩm, thương hiệu cũng như chất lượng tôn Đại Thiên Lộc cho nhiều người dân biết đến, giúp công ty tiếp cận gần hơn nữa với người tiêu dùng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên HĐQT

- Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Thanh Nghĩa
Số chứng minh nhân dân	022749812
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/11/1963
Nơi sinh	Phù Cát, Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0903723725
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 1987 - tháng 03/1992	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng

Từ 1992 – 1993	Seaprodex
Từ 1993 – 2001	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
Từ 2001 – tháng 05/2007	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,5% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% vốn điều lệ
Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng	625 cổ phần, chiếm 0,001 % vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

2 Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	
Họ và tên	Nguyễn Thị Bích Liên
Số chứng minh nhân dân	020723726
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/06/1964
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nam Định
Địa chỉ thường trú	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0903389175
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 1984 – 1988	làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)
Từ 1989 – 1999	Nội trợ
Từ 2000 – 2005	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
Từ 2006 – tháng 4/2011	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 4/2011 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	7,899,952 cổ phần, chiếm 12.86% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	
Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa	29.220.213 cổ phần, chiếm 47.5% vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6,244,378 cổ phần, chiếm 10.16 % vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2,573,990 cổ phần, chiếm 4.19 % vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

3 Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	
Họ và tên	Đỗ Thành Khiêm
Số chứng minh nhân dân	024360697 cấp ngày 01/06/2010 tại CA.Tp HCM
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	18/01/1990
Nơi sinh	Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	TP.Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú	63/204 Đông Du, P.Bến Nghé, Q1, Tp HCM
Số điện thoại liên lạc	0966633371
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 10/2008 đến 02/2014	Học tại trường RMIT Sài Gòn
Từ 06/2014 đến nay	Làm việc tại CTCP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	Đại diện sở hữu 11.600.869 cổ phần, chiếm 18.88 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

4 Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	
Họ và tên	Ngô Thanh Quyên
Số chứng minh nhân dân	022760600 cấp 04/02/2009 tại CA.Tp HCM
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1960
Nơi sinh	Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Giang
Địa chỉ thường trú	49 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q1, Tp.HCM

Số điện thoại liên lạc	0909896099
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 08/2011	Bộ đội, học đại học, công tác tại TCT Xây dựng số 1, Bộ xây dựng
Từ 09/2011 – 08/2012	Làm việc tại CTCP Đại Thiên Lộc
Từ 09/2012 – 04/2015	Làm việc tại CTy TNHH Hào Quang
Từ 04/2015 đến nay	Làm việc tại CTCP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

5 Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	
Họ và tên	Huỳnh Ngọc Mẫn
Số chứng minh nhân dân	212550403 cấp 28/05/2002 tại CA.Quảng Ngãi
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19/02/1985
Nơi sinh	Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	P.Vĩnh Phú, Tx.Thuận An, Bình Dương
Số điện thoại liên lạc	0914394276
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ
Quá trình công tác	
Từ năm 03/2008 – 09/2012	Quản lý kỹ thuật CTCP Mỹ Lan
Từ 01/2013 – 06/ 2015	Giám đốc sản xuất
Từ 07/2015 đến nay	Trợ lý TGD
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

Hoạt động của HĐQT năm 2016

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 tính đến thời điểm tháng 12/2016 gồm 3 người: ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT; Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT và Ông Huỳnh Ngọc Mẫn.

- Trong đó thành viên độc lập không điều hành gồm: Ông Huỳnh Ngọc Mẫn và bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp với một số nội dung như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	NQ 01/2016/NQ- HĐQT	11/03/2016	V/v Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính, Q.KTT đối với ông Huỳnh Tiến Liễu
2	NQ 02/2016/NQ- HĐQT	11/03/2016	V/v Bổ nhiệm chức vụ Q.KTT đối với ông Lê Ngọc Khang
3	NQ 03/2016/NQ- HĐQT	05/04/2016	V/v Chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
4	NQ 04/2016/NQ- HĐQT	21/06/2016	V/v Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Ngô Thanh Quyển
5	NQ 05/2016/NQ- HĐQT	05/08/2016	V/v Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Đỗ Thành Khiêm
6	NQ 06/2016/NQ- HĐQT	17/09/2016	V/v Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư giai đoạn I.
7	NQ 07/2016/NQ- HĐQT	21/09/2016	V/v Bổ nhiệm TGD và thay đổi người đại diện theo pháp luật
8	NQ 08/2016/NQ- HĐQT	26/09/2016	V/v Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư giai đoạn II.
9	NQ 09/2016/NQ- HĐQT	28/09/2016	V/v Xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để điều chỉnh kế hoạch đầu tư dự án
10	NQ 12/2016/NQ- HĐQT	15/11/2016	V/v Thông qua giao dịch vay giữa CTCP Đại Thiên Lộc và ông Nguyễn Thanh Nghĩa
11	NQ 13/2016/NQ- HĐQT	05/12/2016	V/v Thành lập Ban kiểm phiếu và Ban giám sát việc kiểm phiếu xin ý kiến cổ đông điều chỉnh kế hoạch đầu tư dự án năm 2016

Hoạt động của HĐQT

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2016 vào ngày 28/05/2016

- Trong năm 2016, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau:

Phân phối lợi nhuận

- Đã trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển, thù lao cho HĐQT, BKS. Công tác quan hệ nhà đầu tư

- Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định .

- Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng ...

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tóm tắt lý lịch cá nhân

1 Trưởng Ban Kiểm soát	
Họ và tên	Đoàn Thị Bích Thúy
Số chứng minh nhân dân	271688781
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	11/05/1985
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Thọ Trung, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai
Số điện thoại liên lạc	0914394290
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 2005 – tháng 05/2007	công tác tại Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – nay	công tác tại Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	1.430 cổ phần, chiếm 0,002 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không
2 Thành viên Ban Kiểm soát	
Họ và tên	Võ Thị Mỹ Dung
Số chứng minh nhân dân	211833676
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	18/07/1986
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định
Số điện thoại liên lạc	0914394291
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế Toán
Quá trình công tác	
Từ 11/2007 đến nay	Nhân viên kho thống kê CTCP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	Không

<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

3 Thành viên Ban Kiểm soát	
<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Quang Hòa
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	281123513
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	03/02/1973
<i>Nơi sinh</i>	Thái Nguyên
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Thái Nguyên
<i>Địa chỉ thường trú</i>	Số nhà 50 – KP 2, P.Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương.
<i>Số điện thoại liên lạc</i>	0913572719
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Đại học (Kỹ sư cơ khí chế tạo máy)
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ năm 1998 -2002</i>	Làm việc tại xí nghiệp sửa chữa xe máy Công ty Gang thép Thái Nguyên
<i>Từ năm 2002 – 07/2011</i>	Làm nhân viên kỹ thuật tại CTCP luyện cán thép Gia Sàng
<i>Từ 07/2011 – 10/2012</i>	Làm nhân viên kỹ thuật tại Công ty Thép An Hưng Tường
<i>Từ 12/2012 đến nay</i>	Làm việc tại CTCP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	0 cổ phần
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	Không
<i>Các khoản nợ đối với Công ty</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty</i>	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, BKS đã tổ chức họp định kỳ hàng quý. Nội dung các cuộc họp trong năm nhằm:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định được ban hành bởi Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Điều hành nhằm định hướng cho công tác quản lý, điều hành trong năm 2016;
- Ghi nhận lại những vấn đề đã, chưa thực hiện được trong quý; Từ đó, có kiến nghị, đề xuất lên HDQT và Ban Điều hành. Đồng thời, đưa ra các nội dung và kế hoạch cần triển khai trong quý tiếp theo;
- Kiểm tra, đóng góp ý kiến đối với việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ của các phòng ban mà có nội dung không phù hợp hoặc trái với các quy định của pháp luật, điều lệ công ty;

– Các công việc khác theo quyết định của ĐHCĐ, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí chi tiết cho từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC THÙ LAO
01	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	10.000.000
02	Nguyễn Thị Bích Liên	P. Chủ tịch HĐQT	7.000.000
03	Đỗ Thành Khiêm	TV.HĐQT	5.000.000
04	Huỳnh Ngọc Mẫn	TV.HĐQT	5.000.000
05	Phan Quỳnh Diễm Châu	Thư ký HĐQT	4.000.000
CỘNG			31.000.000
06	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	4.000.000
07	Võ Thị Mỹ Dung	TV.BKS	3.000.000
08	Nguyễn Quang Hòa	TV.BKS	3.000.000
CỘNG			10.000.000
TỔNG CỘNG			41.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (giao dịch phát sinh trong năm 2016)

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	28.103.033	45,74%	29.220.213	47,5%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2016, không phát sinh các hợp đồng hoặc giao dịch mới với cổ đông nội bộ

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

–Thiếu các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Hiện nay, do nguồn nhân lực có trình độ quản trị và khả năng giúp việc cho HĐQT còn tương đối thiếu do đó chưa thể thành lập được các tiểu ban để giúp việc cho HĐQT; Vì vậy, công tác quản trị tập trung hầu hết vào Hội đồng quản trị và trong tương lai, công ty sẽ thực hiện việc tái cấu trúc về tổ chức, về nhân sự và tiến tới thiết lập các tiểu ban hỗ trợ cho HĐQT một số hoạt động.

–Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát chưa thực sự chặt chẽ và đem lại hiệu quả, dẫn đến vẫn còn có sai sót trong quá trình thực hiện, kiểm tra và giám sát.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Tổng giám đốc

Nguyễn Thanh Loan

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

[Faint, illegible text and markings, possibly bleed-through or scanning artifacts]

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, Một Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất định kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	26/05/2015	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	26/05/2015	-
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	26/05/2015	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/05/2015	05/08/2016
Ông Ngô Thanh Quyên	Thành viên	26/05/2015	21/09/2016

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hoà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm</u>	<u>Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	-	21/09/2016
Bà Nguyễn Thanh Loan	Tổng Giám đốc	21/09/2016	-
Bà Lâm Kim Phương	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lê Ngọc Khang	Kế toán trưởng	14/03/2016	-

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không; có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Song Thân 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt và dấu chữ cho Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số: 17.159HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AMVY (PACIFIC) FINANCIAL GROUP

AMVY (PACIFIC) FINANCIAL GROUP LIMITED (INCORPORATED IN HONG KONG)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất định kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán
0425-2016-026-1

Nguyễn Hoàng Vy Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán
1727-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.693.216.819.745	1.550.907.406.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	62.813.237.717	44.678.752.480
1. Tiền	111		7.022.485.593	28.978.752.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.790.752.124	15.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.220.678.493	70.292.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	24.220.678.493	70.292.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.439.613.341	108.561.596.665
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	124.874.695.366	90.596.276.316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.146.172.549	18.870.220.768
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.447.953.509	11.282.975.566
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.335.482.633)	(12.318.184.302)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		306.274.550	130.308.317
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	1.448.544.464.665	1.290.531.150.762
1. Hàng tồn kho	141		1.451.768.251.316	1.302.484.336.509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.223.786.651)	(11.953.185.747)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.198.825.529	36.843.906.247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	6.853.267.870	441.755.301
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.343.496.427	36.401.448.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.061.232	702.286
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		794.098.979.362	861.176.278.225
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.532.478.912	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.532.478.912	-
II. Tài sản cố định	220		724.976.534.643	783.878.160.087
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	693.761.717.491	772.875.591.097
Nguyên giá	222		979.923.392.668	996.004.608.392
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(286.161.675.177)	(223.129.017.295)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	20.509.354.264	-
Nguyên giá	225		20.509.354.264	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.705.462.888	11.002.568.990
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.116.563.842)	(2.819.457.740)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		23.177.008.911	20.676.055.498
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	23.177.008.911	20.676.055.498
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		68.477.795	68.477.795
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	68.477.795	68.477.795
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.344.479.101	56.553.584.845
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	43.426.419.427	44.571.107.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.12	918.059.674	11.982.477.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.487.315.799.107	2.412.083.684.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.576.737.307.977	1.661.088.752.389
I. Nợ ngắn hạn	310		1.466.793.585.963	1.602.053.870.711
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	523.017.648.681	513.880.505.369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	49.337.702.192	22.898.392.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	14.037.016.965	31.798.177.487
4. Phải trả người lao động	314	5.15	2.965.267.348	2.624.912.996
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.217.764.053	9.244.150.131
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	5.704.005.390	41.795.064.262
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	861.514.181.334	979.395.421.412
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	415.246.169
II. Nợ dài hạn	330		109.943.722.014	59.034.881.678
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	5.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	109.943.722.014	59.029.881.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	910.578.491.130	750.994.931.990
I. Vốn chủ sở hữu	410		910.578.491.130	750.994.931.990
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	27.284.479.534
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.509.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		164.302.852.274	4.716.293.134
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.677.981.861	68.053.616.913
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		159.624.870.413	(63.337.323.779)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.487.315.799.107	2.412.083.684.379



Nguyễn Thanh Loan
Tổng giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Ma số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.886.917.996.373	1.855.959.652.891
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.632.862.462	2.944.779.220
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.885.285.133.891	1.853.025.073.671
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.545.912.473.736	1.737.009.317.125
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339.372.660.155	116.015.756.546
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	12.869.824.015	3.605.743.794
7 Chi phí tài chính	22	6.5	67.362.498.216	94.045.871.104
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.180.205.651	56.646.873.584
8 Chi phí bán hàng	25	6.6	24.631.327.439	18.622.873.594
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	49.987.119.666	43.487.059.019
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		210.261.538.849	(36.534.303.377)
11 Thu nhập khác	31	6.8	1.510.419.388	6.538.190.623
12 Chi phí khác	32	6.9	27.678.298.638	43.707.507.181
13 Lợi nhuận khác	40		(26.167.879.250)	(37.169.316.558)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		184.093.659.599	(73.703.619.935)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	13.363.371.554	
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.12	11.064.417.632	(10.366.296.156)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		159.665.870.413	(63.337.323.779)
18 Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.19.4	2.661	(1.088)



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		184.093.659.599	(73.703.619.935)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		69.763.765.243	66.368.392.278
Các khoản dự phòng	03		(3.712.100.766)	1.949.030.509
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.101.259.720	11.210.823.886
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.549.959.026)	(6.977.042.354)
Chi phí lãi vay	06	6.5	60.180.205.651	56.646.873.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		308.876.830.420	55.494.457.968
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.093.291.562)	111.954.608.119
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(156.883.266.750)	(189.176.369.173)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(32.832.691.216)	132.677.031.299
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.266.824.457)	4.498.027.771
Tiền lãi vay đã trả	14		(59.989.750.035)	(67.340.359.738)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(494.246.169)	(521.239.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.316.760.231	57.586.056.446
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.933.462.185)	(3.203.042.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		14.753.864.385	8.604.999.995
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(44.807.678.493)	(93.729.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.879.000.000	36.921.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.247.732.363	1.969.700.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		61.139.456.074	(49.416.342.716)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.3	1.879.881.228.304	1.846.515.183.529
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.4	(1.965.678.170.454)	(1.875.961.541.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(85.796.942.150)	(29.446.357.975)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		20.659.274.155	(21.276.644.246)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.678.752.480	65.937.093.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.159.562	18.302.909
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	65.339.186.197	44.678.752.480



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Song Thân 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 07 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất (lần thứ 14) là vào ngày 21 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh và nhà máy của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Song Thân 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty")

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đa Nặng	Thôn Giồng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hoa Vang, Thành phố Đa Nặng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	Số 19 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Đường Trần Hưng Đạo, Khu Vực Bình Thạnh B, Phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	Số 295 Đường Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 412 (31/12/2015: 462)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Mua bán sắt thép các loại.
- Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng
- Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa.
- Mua bán nông sản
- Mua bán vỏ, ruột xe
- Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- Xây dựng nhà các loại
- Thi công hệ thống điện công trình.
- Thi công hệ thống nước công trình.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Đúc sắt, thép.
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất lợp đất tấm cách nhiệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- Dịch vụ giao nhận, Dịch vụ khai thuế hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng, Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị, Cho thuê kho bãi

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Vào đầu năm 2016, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty

1.6. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỸ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoại các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

12/12/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 08 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

TH

TH
14

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
• Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
• Tài sản cố định khác	05 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đã đất là từ 39 đến 48 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm

4.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị 08 năm

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến gia vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, trướ cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 38 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc. Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 130/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 06 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tẩy toán trong năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngay công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mướn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hỏi nghi khách hàng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5 KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi miễn giảm thuế

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000522 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3

Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	359.430.426	1.249.346.982
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.663.055.167	27.729.405.498
Các khoản tương đương tiền	55.790.752.124	15.700.000.000
Cộng	62.813.237.717	44.678.752.480

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình từ 4,5% đến 5,2%/năm. Các khoản tương đương tiền với số tiền 54.215.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty - Xem thêm mục 5.18

Giá trị các khoản tiền nắm giữ nhưng không được sử dụng là 1.045.000.000 VND - Xem thêm mục 7.2

(Xem tiếp trang sau)

16/12/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	24.220.678.493	24.220.678.493	70.292.000.000	70.292.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 05 tháng với số tiền là 23.595.377.137 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty Xem thêm mục 5.18

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	83.723.100	68.477.795	104.513.400

Nhóm Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số tương có phiếu Nhóm Công ty nắm giữ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thiên 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Cơ Khí Và Xây Dựng DTL	31.262.526.348	24.336.827.602
Các khách hàng khác	93.090.970.765	66.259.448.714
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 9	521.198.253	-
Cộng	124.874.695.366	90.596.276.316

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	1.144.851.843	-	1.883.490.262	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	117.512.941	-	1.312.527.857	-
Phải thu khác	9.185.588.725	(1.338.493.156)	8.086.957.447	(1.338.493.156)
Cộng	10.447.953.509	(1.338.493.156)	11.282.975.566	(1.338.493.156)
Dài hạn:				
Kỳ cược, kỳ quỹ	1.532.478.912	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, phải thu khác quá hạn thành toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	21.905.950.920	4.570.468.287	12.536.800.782	2.18.616.480
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, phải thu khác quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau				
	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Pt Blue Steel Industries	8.628.800.890	4.314.400.445		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tôn Tấn Thành	2.896.315.858		2.896.315.858	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	10.380.834.172	256.067.842	9.640.484.924	Trên 3 năm
Cộng	21.905.950.920	4.570.468.287	12.536.800.782	2.18.616.480

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Song Thành 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức Mới, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Gia gốc	Dư phòng	Gia gốc	Dư phòng
Hàng đang đi trên đường	65.226.004.141	-	44.449.025.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	338.153.660.977	(365.936.655)	383.119.919.473	(1.078.599.738)
Công cụ, dụng cụ	42.327.366.841	-	17.037.983.085	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.116.717.744	-	824.237.037	-
Thành phẩm	663.174.748.216	(2.857.849.796)	603.847.648.129	(8.231.492.127)
Hàng hóa	335.769.753.397	-	253.205.522.613	(2.643.093.882)
Cộng	1.451.768.251.316	(3.223.786.651)	1.302.484.336.509	(11.953.185.747)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 493.107.094.393 VND – Xem thêm mục 5.18.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá thép ngoài thị trường tăng và do hàng đã bán ra trong năm.

5.7. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Gia gốc	Dư phòng	Gia gốc	Dư phòng
Công trình văn phòng nhà xưởng	4.601.571.608	-	4.601.571.608	6.213.573.491
Máy móc, dây chuyền sản xuất	7.652.846.163	-	7.652.846.163	-
Chi phí xây dựng đường tram, hệ thống điện, tram cáp, hệ thống xử lý nước thải	8.317.947.489	-	8.317.947.489	7.542.586.261
Các công trình khác	398.026.527	-	398.026.527	641.226.527
Sửa chữa	2.198.617.124	-	2.198.617.124	6.278.669.219
Cộng	23.177.008.911	-	23.177.008.911	20.676.055.498

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày						
01/01/2016	128.822.298.838	835.321.706.059	29.194.401.916	1.354.090.998	1.312.110.581	996.004.608.392
Mua trong năm	-	3.003.146.320	-	68.090.000	-	3.071.236.320
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(18.638.672.044)	(513.780.000)	(-)	(-)	(19.152.452.044)
Tại ngày	128.822.298.838	819.686.180.335	28.680.621.916	1.422.180.998	1.312.110.581	979.923.392.668
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày						
01/01/2016	21.552.902.110	184.197.469.222	15.698.542.545	951.378.818	728.724.600	223.129.017.295
Khấu hao trong năm	6.517.163.568	59.598.578.614	3.018.018.806	157.892.353	175.015.800	69.466.659.141
Thanh lý, nhượng bán	(-)	(5.920.221.259)	*	(-)	(-)	(6.434.001.259)
Tại ngày	28.070.065.678	237.875.826.577	18.202.781.351	1.109.261.171	903.740.400	286.161.675.177
Giá trị còn lại:						
Tại ngày						
01/01/2016	107.269.396.728	651.124.236.837	13.495.859.371	402.712.180	583.385.981	772.875.591.097
Tại ngày	100.752.233.160	581.810.353.758	10.477.840.565	312.919.827	408.370.181	693.761.717.491

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp cho các khoản vay là 551.012.490.391 VND – Xem thêm mục 5.18

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.986.083.647 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8 Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9. Tang, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá: Tại ngày 01/01/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Tại ngày 31/12/2016	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế: Tại ngày 01/01/2016	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Khấu hao trong năm	285.693.711	11.412.391	297.106.102
Tại ngày 31/12/2016	3.025.264.842	91.299.000	3.116.563.842
Giá trị còn lại: Tại ngày 01/01/2016	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990
Tại ngày 31/12/2016	10.705.462.888		10.705.462.888

Giá trị còn lại tại 31 tháng 12 năm 2016 của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.547.373.349 VND - Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 91.299.000 VND

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	-
Thuê tài chính trong năm	20.509.354.264
Tại ngày 31/12/2016	20.509.354.264
Gia trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2016	-
Khấu hao trong năm	-
Tại ngày 31/12/2016	-
Gia trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2016	-
Tại ngày 31/12/2016	20.509.354.264

Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 2016-002228-000 ngày 15 tháng 12 năm 2016, khi kết thúc thời hạn thuê Nhóm Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với số tiền bằng 0,3% giá mua.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C160711302 ngày 07 tháng 11 năm 2016, khi kết thúc thời hạn thuê Nhóm Công ty sẽ được mua lại tài sản thuê với số tiền bằng giá trị còn lại của tài sản thuê nếu bên cho thuê đồng ý bán tài sản thuê.

5.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.853.267.870	441.755.301
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	43.426.622.397	44.568.401.933
Các khoản khác	797.030	2.705.606
Cộng	43.426.419.427	44.571.107.539

Gia trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng –
Xem thêm mục 5.18

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5 KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Future Materials Industry (Hongkong)	136.583.661.866	136.583.661.866	107.118.561.905	107.118.561.905
Công ty Gs Global Corp.	60.654.831.519	60.654.831.519	-	-
Công ty Joinwe International Limited	54.368.560.086	54.368.560.086	406.508.799.709	406.508.799.709
Phải trả cho các đối tượng khác	261.157.451.455	261.157.451.455	253.143.755	253.143.755
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9.	253.143.755	253.143.755	253.143.755	253.143.755
Cộng	523.017.648.681	523.017.648.681	513.880.505.369	513.880.505.369

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	29.890.256.568	29.890.256.568	19.447.445.674	19.447.445.674
Các khách hàng khác	19.447.445.674	19.447.445.674	49.337.702.192	49.337.702.192
Cộng	49.337.702.192	49.337.702.192	68.885.151.866	68.885.151.866

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sùng Thiện 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Đã nộp	Phải nộp VND	Điều chỉnh	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	21.763.563.920	43.720.356.697	21.800.168.745	154.983.233	2.061.232
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	240.286	-	105.985.309.533	105.985.155.035	394.784	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.954.139.228	16.752.543.518	7.797.991.883	412.407	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	143.627.572	-	13.363.371.554	(103.086.243)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	339.539.045	57.863.280	60.899.698	(307.190.536)	-
Các loại thuế khác	462.000	597.307.722	70.999.600	70.999.600	462.000	-
Cộng	702.286	31.798.177.487	166.587.072.628	149.078.577.515	(254.024.355)	2.061.232
						14.037.016.965

5.15. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản tiền lương tháng 12 và thưởng năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.320.612.998	531.799.236
Chi phí lãi vay phải trả cho bên liên quan – Xem thêm mục 9.	8.712.350.955	8.712.350.955
Khác	184.800.100	-
Cộng	10.217.764.053	9.244.150.191

5.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	483.358.756	391.977.339
Bảo hiểm xã hội	30.214.339	393.590.971
Bảo hiểm y tế	1.063.710	20.319.088
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.747.652
Phải trả hàng mượn	-	16.491.531.925
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.842.054.435	5.159.720.643
Cộng	5.356.691.240	22.460.887.518
Các khoản phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 9:		
Tiền mượn Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	217.467.250	19.205.329.844
Phải trả khác Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Thiên Lộc	129.846.900	129.846.900
Cộng	347.314.150	19.335.176.744
Tổng cộng	5.704.005.390	41.796.064.262

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.18. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Trong năm		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số cơ khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	847.125.894.126	847.125.894.126	1.795.071.229.304	1.837.223.596.590	889.278.261.412	889.278.261.412
Vay đối tượng khác	750.000.000	750.000.000	750.000.000	-	-	-
Vay ngân hàng có hạn đến hạn trả	5.232.351.112	5.232.351.112	5.232.351.112	90.118.160.000	90.118.160.000	90.118.160.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	8.405.936.096	8.405.936.096	8.405.936.096	-	-	-
Cộng	861.514.181.334	861.514.181.334	1.809.459.516.512	1.927.341.756.590	979.396.421.412	979.396.421.412
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	16.430.000.000	16.430.000.000	6.310.000.000	10.880.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Vay đối tượng khác	83.359.411.302	83.359.411.302	77.749.999.000	32.420.469.376	38.029.881.678	38.029.881.678
Nợ thuế tài chính	10.154.310.712	10.154.310.712	10.154.310.712	-	-	-
Cộng	109.943.722.014	109.943.722.014	94.214.309.712	43.300.469.376	59.029.881.678	59.029.881.678
Tổng cộng	971.457.903.348	971.457.903.348	1.903.673.826.224	1.970.642.225.966	1.038.426.303.090	1.038.426.303.090

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3,
 Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức Mới, Tỉnh Bình Dương

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6% đến 8,5%/năm và 9%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 4,3% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, vô hình và tài sản của bên có liên quan – Xem thêm mục 5.1, 5.2, 5.6, 5.8, 5.9, 5.11 và mục 9.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân bên liên quan thời gian từ 12 tháng đến 28 tháng dưới hình thức tín chấp với lãi suất từ 0%/năm đến 6%/năm – Xem thêm mục 9.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn 05 năm với lãi suất 10,5%/năm để thanh toán các chi phí đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nợ vay dài hạn là 21.662.351.112 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 5.232.351.112 VND. Khoản vay này được thế chấp bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất. Quyền thuê dài – Xem thêm mục 5.8 và 5.11.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Lãi thuế VND
Từ 1 năm trở xuống	9.430.007.786	1.024.071.690	8.405.936.096	-
Từ 1 năm đến 5 năm	11.186.375.501	1.032.064.789	10.154.310.712	-
Cộng	20.616.383.287	2.056.136.479	18.560.246.808	-

Nợ thuế tài chính là các khoản thuế tài chính về máy móc thiết bị với thời hạn từ 37 - 48 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư nợ gốc thuế tài chính là 18.560.246.808 VND, trong đó nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 8.405.936.096 VND.

Handwritten signature and stamp area.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
			Cả phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		
Tại ngày 01/01/2015	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	26.956.895.237	2.512.121.366	68.608.895.788	814.559.860.347
Lỗi trong năm thuộc trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)	(196.604.578)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.512.121.366	4.716.293.134	750.994.931.990
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	159.665.870.413
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2015	-	-	-	-	35.000.000	(35.000.000)	-
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu năm 2016	-	-	-	-	41.000.000	(41.000.000)	-
Chi quỹ	-	-	-	-	(79.000.000)	(79.000.000)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.311.273)	(3.311.273)
Tại ngày 31/12/2016	614.356.040.000	160.764.683.540	(58.638.685.584)	27.284.479.534	2.509.121.366	164.302.852.274	910.578.491.130

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	(32.278.400.000)	(32.278.400.000)
Cộng	582.077.640.000	582.077.640.000

5.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	61.435.804	61.435.804
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.804	61.435.804
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	58.207.964	58.207.964

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.19.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp	159.655.870.413	(63.337.323.779)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(4.789.976.112)	(-)
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	154.865.894.301	(63.337.323.779)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	58.207.764	58.207.764
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	2.661	(1.088)

5.19.5. Các quỹ của Nhóm công ty

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	27.284.479.534	2.512.121.366
Trích trong năm	-	76.000.000
Chi trong năm	(-)	(79.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	27.284.479.534	2.509.121.366

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
USD	85.267.82	12.703.48
EUR	-	100.28
SGD	164.04	-
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	3.252.302.618	1.812.487.702

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu xuất khẩu	227.758.179.919	359.237.222.417
Doanh thu bán hàng trong nước	2.652.901.113.114	1.494.369.768.350
Doanh thu phế liệu	6.144.919.904	2.351.061.724
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.783.438	11.800.400
Cộng	2.886.917.996.373	1.855.969.852.891

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	-	12.672.000
Giảm giá hàng bán	216.218.766	135.795.203
Hàng bán bị trả lại	1.416.643.716	2.796.312.017
Cộng	1.632.862.482	2.944.779.220

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.254.525.349.639	259.467.888.440
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.296.270.853.758	1.461.481.894.836
Giá vốn phế liệu	3.845.869.435	15.897.091.809
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(8.729.399.096)	162.442.040
Cộng	2.545.912.473.736	1.737.009.317.125

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.247.732.368	1.989.700.269
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.622.091.647	1.616.043.525
Cộng	12.869.824.015	3.605.743.794

6.5. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	60.180.205.651	56.646.873.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.182.292.565	37.398.997.520
Cộng	67.362.498.216	94.045.871.104

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	2.966.101.140	3.253.647.763
Chi phí vận chuyển	7.943.932.198	8.833.589.192
Chi phí xuất khẩu	2.189.167.868	3.342.704.134
Chi phí vật liệu bao bì	6.772.524.172	1.370.041.176
Chi phí khác	4.759.612.063	1.822.991.329
Cộng	24.631.327.439	18.622.873.594

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI-THIỆN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sùng Thành 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	22.424.517.963	20.315.663.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.036.354.062	2.535.313.169
Chi phí điện nước, điện thoại	4.047.001.603	2.493.054.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.494.810.365	7.885.160.723
Dự phòng phải thu khó đòi	6.431.031.116	1.786.588.304
Chi phí khác	5.553.404.557	8.471.279.066
Cộng	49.987.119.666	43.487.059.019

6.8. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	302.226.660	4.987.342.085
Tiền phạt thu được	444.420.900	-
Thu nhập khác	763.771.828	1.550.848.538
Cộng	1.510.419.388	6.538.190.623

6.9. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản bị phạt	602.013.466	8.804.622.239
Chi phí sản xuất chung của phân xưởng tạm dừng hoạt động	26.700.665.337	34.674.989.237
Các khoản khác	375.619.835	227.895.705
Cộng	27.678.298.638	43.707.507.181

6.10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.357.969.529.500	1.377.586.555.003
Chi phí nhân công	42.046.689.923	39.191.470.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.496.091.538	38.664.694.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.873.916.293	60.524.676.908
Chi phí khác bằng tiền	7.052.903.349	26.501.572.145
Cộng	1.523.439.130.603	1.542.468.968.532

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành của các công ty trong Nhóm Công ty	13.363.371.554	-

6.12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Các khoản lỗ tính thuế VND	Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch bán hàng nội bộ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	-	(1.616.181.150)	(1.616.181.150)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(9.262.834.309)	(1.103.461.847)	(10.366.296.156)
Tại ngày 01/01/2016	(9.262.834.309)	(2.719.642.997)	(11.982.477.306)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	9.236.992.518	1.827.825.114	11.064.417.632
Tại ngày 31/12/2016	(26.241.791)	(891.817.883)	(918.059.674)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	20.509.354.264	-

7.2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm không được sử dụng trị giá 1.045.000.000 VND dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thị tín dụng tại ngân hàng.

7.3. Các khoản đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.879.881.228.304	1.846.515.183.529



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7.4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.965.678.170.454)	(1.875.961.541.504)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sắt, thép các loại;
- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép các loại;
- Các hoạt động khác

(Xem tiếp trang sau)

Đại Thiên Lộc và Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sông Thành 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Sản xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu VND	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015		
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng bên ngoài	1.567.539	1.563.110	1.317.746	289.915	-	-	-	-	2.885.285	1.853.025
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận Chi phí không phân bổ	277.596	101.492	61.776	14.524	-	-	-	-	339.372	116.016
Thu nhập tài chính									(74.618)	62.110
Lợi nhuận khác									(54.492)	(90.440)
Lợi nhuận trước thuế									(26.168)	(37.170)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									184.094	(73.704)
									(24.427)	10.366
Lợi nhuận sau thuế									159.667	(63.338)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CNS, KCN Sóng Thiên 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Sản xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu VND	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tổng cộng	Tại ngày 01/01/2016

Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bộ	1.047.915	595.616	400.630	249.484	-	-	-	-	1.448.545	945.100
									1.038.771	1.566.984
									2.487.316	2.412.084

Tổng tài sản

	Sản xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016

Nợ phải trả không phân bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.576.737	1.661.089
---------------------------------	---	---	---	---	---	---	---	---	-----------	-----------

Tổng nợ phải trả

	1.576.737	1.661.089
--	------------------	------------------

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô C/6, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	San xuất		Thương mại		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu VND Tổng cộng
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	
Chi phí mua sản tài sản									
Chi phí khấu hao không phân bổ	23.513				98				23.581 171.793
									69.764 66.368

Nhóm Công ty có thu sở hoạt động tại Bình Dương và có các chi nhánh được đặt tại Đà Nẵng, Bà Rịa, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, Hà Nội, Năm 2016 các chi nhánh có tổng doanh thu phát sinh nhỏ hơn 10%. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo tài chính theo khu vực địa lý.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc
2. Công ty TNHH MTV Thiên Lộc
3. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
5. Bà Nguyễn Thanh Dung

Mối quan hệ

- Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan
- Công ty con
- Công ty con
- Nhân sự quản lý chủ chốt
- Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BAO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
521.198.253	521.198.253

Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 5.3
 Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
253.143.755	253.143.755

Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 5.12
 Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
(129.846.900)	(129.846.900)

Phải trả ngắn hạn khác
 Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc
 Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Cộng – Xem thêm mục 5.17

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
(347.314.150)	(347.314.150)

Phải trả lãi vay
 Ông Nguyễn Thanh Nghĩa
 Bà Nguyễn Thị Bích Liên
 Bà Nguyễn Thanh Dung
 Bà Nguyễn Thanh Loan

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
(5.208.794.642)	(5.208.794.642)
(88.287.800)	(88.287.800)
(28.464.800)	(28.464.800)

Cộng – Xem thêm mục 5.16

Tại ngày	Tại ngày
31/12/2016	31/12/2016
VND	VND
(8.712.350.955)	(8.712.350.955)

Vay ngắn hạn phải trả – Xem thêm mục 5.18
 Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

(750.000.000)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay dài hạn phải trả		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(56.841.574.778)	(1.380.046.154)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	(24.587.103.274)	(34.719.103.274)
Bà Nguyễn Thanh Dung	(866.733.250)	(866.733.250)
Bà Nguyễn Thanh Loan	(1.064.000.000)	(1.064.000.000)
Cộng – Xem thêm mục 5.18	(83.359.411.302)	(38.029.881.678)
Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vay tiền		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	78.499.999.000	10.329.000.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	-	700.000.000
Cộng	78.499.999.000	11.029.000.000
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay		
Nguyễn Thanh Nghĩa	651.152.136	-
Nguyễn Thị Bích Liên	653.085.417	-
Cộng	1.304.237.553	-
Ngoài ra, các cá nhân có liên quan còn dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như sau:		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị định giá của tài sản được dùng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng – Xem thêm mục 5.18		
Tài sản là bất động sản:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	62.481.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	17.523.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	125.072.000.000	86.583.400.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
Tài sản là Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	76.844.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thanh Loan	215.000.000.000	-
Cộng	726.283.000.000	149.064.400.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3,
Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nhóm Công ty nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất từ 0%/năm đến 6%/năm. Khoản vay này không được bảo đảm và có thời gian hoàn trả cụ thể.

Thu lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Nhóm công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu lao và thu nhập	971.589.200	964.486.700
10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT CỦA NHÓM CÔNG TY		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	14.000.000	10.000.000

11. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUẾ TÀI CHÍNH

Nhóm công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 03 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 37 tháng đến 48 tháng. Các khoản nợ thuế tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở mục 5.18.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Loan
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Lê Ngọc Khang
Kế toán trưởng

Trần Thị Quỳnh
Người lập